TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/DS-PT
Ngày 24-3-2021
V/v tranh chấp chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Ngọt

Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phượng Tường - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 399/2020/TLPT-DS ngày 15/12/2020 về "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2021/QĐ-PT ngày 13/01/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Phạm Thị Kim N, sinh năm 1978

Địa chỉ: số nhà X, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1951 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà X, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre

2. Ông Phạm Thành N1, sinh năm 1981

Địa chỉ: số nhà X, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: 53AX, khu phố B, phường X, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Phạm Thành N1: Luật sư Võ Tấn T

– Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt)

- *Bị đơn:* Phạm Thị T, sinh năm 1963

Địa chỉ: số nhà XXX, ấp M, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Phạm Minh T1, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: số nhà XXX, ấp M, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp x, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị T: Luật sư Lê Thị Thùy V – Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964

Địa chỉ: 49DX, khu phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt)

2. Bà Huỳnh Thị Kim H2, sinh năm 1961

Địa chỉ: 560/xx T, phường 13, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3. Bà Huỳnh Thị Quỳnh H3, sinh năm 1963

Địa chỉ: 1044x, đường A, phường xx, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

4. Ông Huỳnh Thái H4, sinh năm 1965

Địa chỉ: 560/42 T, phường xx, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

5. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ: số 7A, Đại lộ Đồng Khởi, phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Vĩnh K - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc K1 (Ông K1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Người làm chứng do bị đơn triệu tập:

1. Ông Nguyễn Kim H5, sinh năm 1963

Địa chỉ: số nhà 132, ấp M, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1964

Địa chỉ: số nhà 49D1, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre

3. Ông Huỳnh Công Q, sinh năm 1950

Địa chỉ: 140x, T, phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre

4. Ông Lê Duy T, sinh năm 1977

Địa chỉ: 16, ấp M, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Phạm Thành N1, bà Phạm Thị Kim N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Thành N1 và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phạm Thị Kim N là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Cụ Phạm Thị A sinh năm 1920 và chết ngày 13/4/2014, cụ A có chồng là cụ Nguyễn Văn T, cụ T và cụ A chung sống đến năm 1963 thì ly hôn. Sau ly hôn cụ A được cha mẹ ruột cho một phần đất để canh tác tạo thu nhập nuôi 02 người con là Phạm Văn A1 và Phạm Thị T. Ông A1 chết ngày 29/01/2010, ông có 02 người con là Phạm Thị Kim N và Phạm Thành N1.

Ngày 27/12/2011 cụ A có lập di chúc để lại toàn bộ tài sản gồm phần đất thổ cư thửa 726 diện tích 300m^2 và 3.300m^2 đất nông nghiệp thuộc thửa 727, cùng tờ bản đồ số 1 cho bà T, trên phần đất thổ cư có một căn nhà xây tường gạch, nền gạch tàu, mái tole diện tích khoản 80m^2, phần nhà đất này là tài sản riêng của cụ A. Toàn bộ phần đất này hiện nay bà T đã được Ủy ban nhân dân thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 403388 vào ngày 22/7/2015 và có số thửa mới là 239, tờ bản đồ số 4, diện tích theo đo đạc thực tế là 3512,2m^2.

Ngoài ra, trong năm 2015 cụ A được nhận bồi thường với số tiền 395.459.000 đồng từ công trình đường dây 220kV Bến Tre - Mỏ Cày. Bà T đã đại diện cụ A nhận số tiền này. Nay nguyên đơn khởi kiện với các yêu cầu cụ thể như sau:

Một là, tuyên hủy tờ di chúc của cụ A lập ngày 27/12/2011 được Ủy ban nhân dân xã M (nay lả xã B) chứng thực ngày 19/01/2012 do di chúc này không hợp pháp theo quy định tại khoản 3 Điều 652; Điều 655; Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005 vì cụ A là người không biết viết chữ, di chúc do cụ A lập không có người làm chứng.

Hai là, yêu cầu được nhận 197.729.500 đồng là số tiền cụ A được bồi thường từ công trình đường dây 220kV Bến Tre - Mỏ Cày.

Ba là, yêu cầu chia đôi phần đất diện tích 3.512,2m^2, không yêu cầu chia căn

nhà trên đất và đồng ý để căn nhà trên đất cho phía bị đơn.

Bốn là, yêu cầu kiến nghị điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 403388 ngày 22/7/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố B đã cấp cho bà Phạm Thị T.

Nguyên đơn hoàn toàn thống nhất với kết quả đo đạc, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Thị T là bà Phạm Minh T1 và bà Lê Thị H trình bày:

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân của cụ A, cụ A chết có hai người thừa kế là Ông A1 và bà T. Ông A1 chết trước cụ A, Ông A1 có hai người con là bà Ngân và ông Nghiệp.

Do cụ A có ý định lập di chúc nên ngày 27/12/2011, cụ A có nhờ ông Nguyễn Kim M viết tay 02 bản tờ di chúc có ông M và ông Huỳnh Quốc T cùng ký tên làm chứng. Nội dung để lại toàn bộ tài sản gồm nhà và đất cho con gái của cụ là bà Phạm Thị T.

Khi cụ A mang hai tờ di chúc viết tay này đến Ủy ban nhân dân xã M để công chứng thì được cán bộ xã hướng dẫn mang đi đánh máy để việc lưu trữ được đảm bảo. Vì vậy cụ A đã đến nhờ ông Nguyễn Kim H5 đánh máy lại tờ di chúc, nội dung tờ di chúc được đánh máy lại hoàn toàn giống với nội dung tờ di chúc do ông M viết tay và cũng ghi ngày 27/12/2011. Thực tế, cụ A không phải là không biết chữ, cụ có thể đọc được nhưng khả năng viết rất khó khăn vì tuổi cao sức yếu. Trước khi lập di chúc, cụ A có đi khám sức khỏe đúng quy định của pháp luật.

Ngày 19/01/2012, cụ A mang tờ di chúc do ông H2 đánh máy đến Ủy ban nhân dân xã để chứng thực, trước khi điểm chỉ vào tờ di chúc này, cụ A đã được cán bộ của Ủy ban nhân dân xã đọc lại cho nghe rõ nội dung tờ di chúc. Ý chí định đoạt tài sản trong di chúc là hoàn toàn tự nguyện và có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã theo đúng quy định. Tờ di chúc này là hợp pháp nên bị đơn không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật di sản do cụ A để lại.

Sau khi cụ A chết, bị đơn bà T căn cứ vào tờ di chúc, trực tiếp nhận số tiền 395.459.000 đồng, là tiền bồi thường do công trình đường dây 220kV Bến Tre - Mỏ

Cày đi qua đất mà cụ A đã lập di chúc cho bà T. Tuy nhiên bà T không nhớ rõ cụ thể thời gian nhận khi nào. Bị đơn không đồng ý chia đôi số tiền trên vì cụ A đã lập di chúc để lại nhà, đất và tài sản trên đất cho bà T nên bà T được hưởng số tiền trên là đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, bị đơn không đồng ý chia đôi số tiền 395.459.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu.

Sau khi cụ A chết, Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện thủ tục công khai thừa kế theo nội dung của tờ di chúc đã được Ủy ban nhân dân xã chứng thực. Ngày 22/7/2015, Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 403388 cho bà Phạm Thị T.

Tài sản trên đất như cây trồng và vật kiến trúc là nhà đều do các mạnh thường quân đóng góp để hỗ trợ cho gia đình của bị đơn vì gia đình bị đơn có hoàn cảnh khó khăn.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quốc Khánh trình bày:

Ngày 15/11/1991, cụ A được Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa 726,727 tờ bản đồ 01 với tổng diện tích 3.300m^2 tọa lạc tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27/12/2011, cụ A lập tờ di chúc để lại cho bà T sử dụng các thửa đất nêu trên. Tờ di chúc có thông qua Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 19/01/2012.

Ngày 08/6/2015, bà T lập văn bản nhận tài sản thừa kế là người thừa kế duy nhất theo di chúc của cụ A đối với phần đất thuộc các thửa 726, 727 tờ bản đồ 01 với tổng diện tích 3.300m^2 tọa lạc tại xã Mỹ Thành, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Văn bản nhận tài sản thừa kế đã được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực và niêm yết công khai 15 ngày (từ ngày 22/5/2015 đến ngày 08/6/2015) theo Điều 18 của Nghị định 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng. Trong quá trình niêm yết công khai Ủy ban nhân dân xã M không nhận bất kỳ khiếu nại, đơn thư tranh chấp nào.

Ngày 15/7/2015 Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B có Tờ trình số 2351/TTr-UBND về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T.

Ngày 22/7/2015 bà T được Uỷ ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 04 với diện tích 3.436,3m^2, trong đó có 300m^2 đất ở tọa lạc tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ theo Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 79 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ thì việc Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị T đất đối với thửa đất số 239, tờ bản đồ số 04 với diện tích 3.436,3m^2, trong đó có 300m^2 đất ở tọa lạc tại xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre là phù hợp theo quy định pháp luật.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố B đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B đã tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Thành N1.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2020, nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Thành N1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 05/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B có quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, hủy tờ di chúc của cụ Phạm Thị A lập ngày 27/12/2011 và chia di sản thừa kế của cụ A theo pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 21/9/2020

của Tòa án nhân dân thành phố B theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn, hủy di chúc lập ngày 27/12/2011 của cụ A. Bởi lẽ, cụ A không tự viết bản di chúc mà nhờ người khác đánh máy nên căn cứ Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì di chúc của cụ A phải có hai người làm chứng. Đối với số tiền bồi thường từ công trình đường dây 220kV Bến Tre - Mỏ Cày là 395.459.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính bằng với công sức quản lí di sản của bà Phạm Thị T, không chia thừa kế đối với số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Thành N1. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Thành N1 trình bày: cụ A chết để lại di sản gồm phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 239, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã Mỹ Thành, thành phố B, tỉnh Bến Tre, diện tích 3512,2m^2 và số tiền được bồi thường từ công trình đường dây điện 220kV Bến Tre - Mỏ Cày là 395.459.000 đồng. Ngày 27/12/2011, cụ A lập di chúc để lại toàn bộ tài sản trên cho bà Phạm Thị T. Ngày 13/4/2014 cụ A chết. Việc cụ A lập di chúc ông, bà không biết, đến ngày 30/5/2015 Ủy ban nhân dân xã M công bố di chúc thì ông, bà mới biết. Do cụ A không biết chữ, khi lập di chúc không có người làm chứng nên di chúc ngày 27/12/2011 không hợp pháp. Ông, bà đề nghị hủy di chúc và chia di sản thừa kế của cụ A theo pháp luật. Bị đơn bà Phạm Thị T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phạm Minh T1 trình bày cụ A biết đọc chữ nhưng do tuổi cao, viết chữ khó khăn nên không tự viết di chúc. Do đó, di chúc của cụ A phải có hai người làm chứng hoặc một người làm chứng và được công chứng, chứng thực theo quy định. Như vậy, di chúc lập ngày 27/12/2011 của cụ A không đúng quy định về hình thức. Tuy nhiên, xét về quá trình lập di chúc, nhận thấy: khi còn sống, cụ A đã đến Ủy ban nhân dân xã M trình bày ý chí tự nguyện để lại toàn bộ tài sản cho bà Phạm Thị T sau khi cụ chết. Ý chí này của

cụ A được nhiều người biết và có văn bản xác nhận như: bà Lữ Thị Thu Thảo, ông Nguyễn Kim M, ông Huỳnh Quốc T, ông Nguyễn Kim H5, ông Võ Thành Nghĩa, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc Vũ, ông Lê Duy Kha, bà Huỳnh Thị Kim H2, Bà Huỳnh Thị Huỳnh Hoa, ông Huỳnh Thái H4. Cụ A nhờ ông Nguyễn Kim M viết tay nội dung di chúc, ông Huỳnh Quốc T ký tên người làm chứng nhưng khi đến Ủy ban nhân dân xã M thì được hướng dẫn đi đánh máy lại để lưu trữ lâu dài. Cụ A nhờ ông Nguyễn Kim H5 đánh máy lại nội dung và đến Ủy ban nhân dân xã thực hiện thủ tục chứng thực. Cán bộ tư pháp bà Lữ Thị Thu T xác định có đọc lại nội dung di chúc nhiều lần cho cụ A nghe, cụ A đồng ý điểm chỉ thể hiện sự tự nguyện để lại toàn bộ di sản cho bà T. Những tình tiết trên đều được những người liên quan đến quá trình lập di chúc của cụ A xác định thống nhất. Như vậy, ý chí của cụ A từ khi có ý định lập di chúc đến khi đến Ủy ban nhân dân xã thực hiện chứng thực là thống nhất.

Tại biên bản xác minh ngày 27/7/2017, Ủy ban nhân dân xã M xác nhận việc không yêu cầu người làm chứng, không có người làm chứng ký tên vào di chúc của cụ A là sơ sót của Ủy ban nhân dân xã M. Trong khi đó, di chúc này cần có người làm chứng theo Điều 656 Bộ luật Dân sự năm 2005. Như vậy, việc hướng dẫn chưa đảm bảo trình tự thủ tục dẫn đến di chúc của cụ A vi phạm về hình thức là do lỗi của cơ quan Nhà nước. Ngoài ra, việc lập di chúc của cụ A có nhiều chứng cứ khác xác định ý chí của cụ A để lại di chúc cho bà T, thể hiện qua việc trước khi chết cụ A nói với rất nhiều người trong dòng họ, những người sống xung quanh và chính quyền địa phương, các tổ chức khác mà cụ A tham gia về việc lập di chúc cho bà T. Những người làm chứng nói trên cũng xác nhận mối quan hệ giữa cụ A và gia đình Ông A1 có mâu thuẫn, thể hiện qua việc chính quyền địa phương nhiều lần lập biên bản về hành vi gây rối trật tự công cộng của ông Nghiệp (con Ông A1) và có hành vi đánh cụ A. Như vậy, mặc dù di chúc lập ngày 27/12/2011 vi phạm về hình thức nhưng có căn cứ xác định ý chí thực tế của cụ A là để lại toàn bộ tài sản cho bà Phạm Thị T.

[3] Do di chúc lập ngày 27/12/2011 đã xác định đúng ý chí của cụ A nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 403388 ngày 22/7/2015 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp cho bà Phạm Thị T và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền 395.459.000 đồng

và diện tích đất thửa đất 239, tờ bản đố số 04, diện tích 3512,2m^2 là phù hợp.

Từ những nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và kháng cáo của bà Ngân, ông Nghiệp.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ngân, ông Nghiệp phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Án phí phúc thẩm bà Ngân, ông Nghiệp đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Thành N1. Giữ nguyên bản dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

Căn cứ Điều 646 và 658 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể tuyên:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Thành N1 về việc:

Yêu cầu hủy "Tờ di chúc" của cụ Phạm Thị A lập ngày 27/12/2011 được Ủy ban nhân dân xã M chứng thực ngày 19/01/2012;

Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất diện tích 3.512,2m^2 thửa đất 239, tờ bản đố số 04 tọa lạc tại xã Mỹ Thành (nay là xã B), thành phố B và số tiền 395.459.000 đồng cụ Phạm Thị A được bồi thường từ công trình đường dây 220kV Bến Tre - Mỏ Cày;

Kiến nghị điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 403388 ngày 22/7/2015 đối với thửa đất 239, tờ bản đố số 04 tọa lạc tại xã B, thành phố B của bà

Phạm Thị T;

2. Bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Thành N1 phải chịu chi phí thu thập chứng cứ là 4.245.200 (Bốn triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm) đồng. Bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Thành N1 đã nộp đủ chi phí thu thập chứng cứ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Thành N1 phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 9.286.500 (Chín triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm) đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011167 ngày 07/10/2015; số 0012069 ngày 06/4/2016; số 0011347 ngày 14/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B hoàn lại cho bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Thành N1 số tiền chênh lệch là 9.086.500 (Chín triệu không trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Thành N1 mỗi người phải nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lần lượt theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003437, 0003438 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Án phí phúc thẩm bà Phạm Thị Kim N, ông Phạm Thành N1 đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*;**
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phận